TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Tổ 20, thôn T , xã B , huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Bị đơn: Anh Lâm Thành L1, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Tổ 20, thôn T , xã B , huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
(Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lâm Thành L1 vắng mặt tại phiên Tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết ,nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian ngắn thì chị L và anh L1 đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đến ngày 15 tháng 9 năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B , huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại thôn Tân Xuân, xã Bàu Chinh. Trong thời gian sống chung với gia đình chồng chị L và anh L1 đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn chăm lo cho cuộc sống gia đình, mỗi lần nhậu say anh L1 lại kiếm chuyện để chửi bới đánh đập chị L nhiều lần. Sống với gia đình chồng một thời gian thì vợ chồng chị L ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng với mục đích là không có sự hỗ trợ từ gia đình chồng để anh L1 lo chí thú làm ăn nhưng anh L1 vẫn chứng nào tật đó nên vợ chồng lại quay về sống chung với gia đình chồng. Đến năm 2010 thì cha mẹ chồng cho đất và nhà nước cho nhà tình thương nên vợ chồng chị L và anh L1 ra sống riêng. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nhất anh L1 không chỉ nhậu nhẹt mà còn đốt hết áo quần và đồ đạc của chị L và đuổi mẹ con chị L ra khỏi nhà. Vào tháng 10/2017 thì chị L dẫn theo 04 đứa con ra ngoài thuê nhà trọ sống vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị L xin được ly hôn với anh Lâm Thành L1.

Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 04 người con chung là cháu Lâm Chí Th, sinh ngày 28-10-1999; cháu Lâm Thiện Ch, sinh ngày 02/5/2001; cháu Lâm Gia H, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Lâm Bảo Ng, sinh ngày 28-3-2015. Hiện cháu Th đã trên 18 tuổi muốn ở với ba hay mẹ là quyền của cháu. Nguyện vọng của chị L xin được quyền nuôi dưỡng cháu Chí, H và Ng và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lâm Thành L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Lâm Thiện Ch, cháu Lâm Gia H và Lâm Bảo Ng cho chị L được quyền nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị L và anh L1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Nơi cư trú của anh L1 là xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh L1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 9 năm 2005 tại UBND xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu sống chung vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L là anh L1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn chăm lo cho cuộc sống gia đình, mỗi lần nhậu say anh L1 lại kiếm chuyện để chửi bới đánh đập chị L nhiều lần đến năm 2015 thì mẫu thuẫn trở nên trầm trọng hơn khi anh L1 không chỉ nhậu nhẹt mà còn đốt hết áo quần và đồ đạc của chị L và đuổi mẹ con chị L ra khỏi nhà. Từ tháng 10/2017 thì vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân thì vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị L, Tòa án tiến hành triệu tập anh L1 đến làm việc và hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh L1 vẫn không đế chứng tỏ anh L1 không muốn vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 là có thật. Hiện anh L1 đang sống tại tổ 20, thôn T, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn chị L không sống tại địa phương. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh L1.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 04 người con chung là cháu Lâm Chí Th, sinh ngày 28-10-1999; cháu Lâm Thiện Ch, sinh ngày 02/5/2001;

cháu Lâm Gia H, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Lâm Bảo Ng, sinh ngày 28-3-2015. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, hiện cháu Th đã trên 18 tuổi muốn ở với ba hay mẹ là quyền của cháu. Các cháu Chí và H đã trên 07 tuổi nguyện vọng xin được sống với chị L, nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng cháu Ng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao các cháu Ch, H và Ng cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lâm Thành L1.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và Lâm Thành L1 có 04 người con chung là cháu Lâm Chí Th, sinh ngày 28-10-1999; cháu Lâm Thiện Ch, sinh ngày 02/5/2001; cháu Lâm Gia H, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Lâm Bảo Ng, sinh ngày 28-3-2015. Hiện cháu Th đã trên 18 tuổi muốn ở với ba hay mẹ là quyền của cháu.

Giao con chung Lâm Thiện Ch, Lâm Gia H và Lâm Bảo Ng cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu anh Lâm Thành L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lâm Thành L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì L1 ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số TU/2017/0000861 ngày 13 tháng 3 năm 2018; Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2018); đối với chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lâm Thành L1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKS h.Châu Đức;
- THA h. Châu Đức;
- Các đương sự;
- UBND xãB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Công Hiếu